
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU
XÂY DỰNG HƯNG LONG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5 - 6
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	7 - 34
<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>7 - 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>12 - 13</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ</i>	<i>14 - 29</i>
<i>Phụ lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>30 - 34</i>

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Hưng Long được chuyển đổi từ Công ty TNHH Hưng Long – Quảng Ninh. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5700378910 lần đầu ngày 13 tháng 05 năm 2010.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 03 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên và tăng vốn điều lệ của Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 03 được phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21 tháng 07 năm 2014.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03: 120.000.000.000 VND

Trụ sở chính

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Mã số thuế: 5 7 0 0 3 7 8 9 1 0

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Vận tải hành khách đường sắt; vận tải hành khách đường bộ khác; vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa bằng đường sắt; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 34).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Xuân Ái	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Đức Dũng	Thành viên
Ông Tạ Quang Mạnh	Thành viên
Ông Trần Anh Tú	Thành viên
Ông Trần Kiên Cường	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lâm Hoàng Giang	Trưởng BKS
Bà Trần Thị Thắm	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Mạnh Hùng	Giám đốc
Ông Tạ Quang Mạnh	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong từng kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Báo cáo tài chính giữa niên độ đang được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, mặc dù Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho thấy các dấu hiệu :
 - Nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản lưu động;
 - Đơn vị có các khoản nợ vay Ngân hàng lâu ngày không có khả năng được giãn nợ; không có khả năng tuân thủ các điều khoản của hợp đồng tín dụng;
 - Đơn vị có các chỉ số tài chính xấu hơn mức bình thường;
 - Không có khả năng thanh toán nợ, nộp thuế khi đến hạn;
 - Lỗ hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 lớn, lỗ lũy kế chiếm trên 60% Vốn góp chủ sở hữu.

Tuy nhiên khoản hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đông Bắc theo hợp đồng hợp tác sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét nung ký kết ngày 21 tháng 03 năm 2016, hai Công ty thực hiện hợp tác đầu tư xây dựng mới hai dây chuyền sản xuất gạch tuynel công nghệ mới với dự toán tạm tính là 100 tỷ đồng, mỗi bên thực hiện góp vốn 50%. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 10

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

năm. Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ 50:50. Sản lượng Gạch sản xuất và tiêu thụ trong 6 tháng đầu năm 2017 rất tốt. Điều đó sẽ đem lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty trong năm 2017. Vì vậy Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được Ban Giám đốc Công ty lập trên nguyên tắc giá định hoạt động hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Mạnh Hùng

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Số : 3006.01.01/2017/BCTC-NVT2
Ngày : 14 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Hưng Long

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Hưng Long, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017 từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Vấn đề ngoại trừ

- Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Các vấn đề này vẫn tồn tại và tiếp tục ảnh hưởng trọng yếu đến các chỉ tiêu tương ứng trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (chi tiết xem ý kiến ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán số 1205.02/2017/NTV2-BCTC ngày 27/6/2017 và các thuyết minh số V.16; V.18);
- Tại thời điểm 30/6/2017, các khoản công nợ phải thu hầu hết là nợ phải thu khó đòi không được đối chiếu xác nhận, đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi; các khoản công nợ phải trả chưa được đối chiếu xác nhận nợ.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-4) 3761 3399 [F] (84-4) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Vấn đề cần nhấn mạnh

Ngoài ra chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính các vấn đề sau:

- Về xử lý tổn thất: tiếp theo năm 2016, năm 2017 công ty tiếp tục xử lý tổn thất liên quan đến quản lý TSCD, hàng tồn kho, công nợ theo Biên bản họp HĐQT ngày 05 tháng 7 năm 2017. Số xử lý tổn thất là khá lớn nên cần phải thông qua đại hội đồng cổ đông (xem thuyết minh VI.6 Báo cáo tài chính năm 2016 kèm theo báo cáo kiểm toán số 1205.02/2017/NTV2-BCTC ngày 27/6/2017 và thuyết minh VI.6 kèm theo báo này).
- Về tính hoạt động liên tục:
Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho thấy các dấu hiệu :
 - Nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản lưu động;
 - Đơn vị có các khoản nợ vay Ngân hàng lâu ngày không có khả năng trả nợ (xem thuyết minh số V.16);
 - Đơn vị có các chỉ số tài chính xấu hơn mức bình thường;
 - Đơn vị không có khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn;
 - Đơn vị không có khả năng nộp thuế, các khoản thuế quá hạn trên 90 ngày quá lớn và đã bị Cơ quan thuế ra quyết định cưỡng chế thuế, phong tỏa tài khoản Ngân hàng (xem thuyết minh V.13);
 - Báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đơn vị tiếp tục bị lỗ 12,8 tỷ đồng, lỗ lũy kế tại ngày 30/6/2017 là 74 tỷ đồng chiếm trên 61,7% Vốn góp chủ sở hữu (xem thuyết minh V.17).

Theo qui định tại chuẩn mực kiểm toán số 570: Hoạt động liên tục, các dấu hiệu trên cho thấy cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty, tuy nhiên Báo cáo tài chính giữa niên độ đang được Ban Giám đốc Công ty lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNTK số: 0053-2014-124-1

12/11/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.728.695.100	63.216.117.627
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	68.277.462	62.408.042
1. Tiền	111		68.277.462	62.408.042
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.495.771.886	40.985.486.296
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	25.336.013.560	40.058.638.560
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	8.531.081.305	8.680.791.972
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	6.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.023.962.167	3.627.221.650
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(22.395.285.146)	(17.453.768.621)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	72.602.735
IV. Hàng tồn kho	140		16.187.637.811	21.230.771.611
1. Hàng tồn kho	141	V.6	16.187.637.811	21.230.771.611
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		977.007.941	937.451.678
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		977.007.941	937.451.678
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoà Bình, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85.324.231.150	86.956.783.352
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		50.000.000.000	50.000.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.7	50.000.000.000	50.000.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.557.869.997	8.856.395.851
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	6.807.646.771	8.065.105.028
<i>Nguyên giá</i>	222		25.321.034.720	28.479.109.899
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(18.513.387.949)	(20.414.004.871)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	750.223.226	791.290.823
<i>Nguyên giá</i>	228		1.642.703.831	1.642.703.831
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(892.480.605)	(851.413.008)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	15.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	15.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.766.361.153	28.084.887.501
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	27.766.361.153	28.084.887.501
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		116.052.926.250	150.172.900.979

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên I, xã Lê Lợi, huyện Hoàn Bò, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		68.982.583.128	90.216.650.196
I. Nợ ngắn hạn	310		68.982.583.128	90.081.425.246
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	21.482.664.139	44.618.629.700
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	3.519.270.242	4.979.270.242
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	13.529.903.521	13.622.933.819
4. Phải trả người lao động	314		1.517.456.994	1.420.957.484
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.821.986.761	1.821.986.761
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	2.438.862.925	2.740.592.852
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	24.579.765.077	20.784.380.919
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		92.673.469	92.673.469
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	135.224.950
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	135.224.950
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

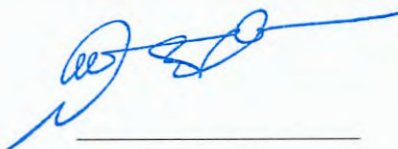
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47.070.343.122	59.956.250.783
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	47.070.343.122	59.956.250.783
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.161.320.961	1.161.320.961
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(74.090.977.839)	(61.205.070.178)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(61.205.070.178)	(3.930.560.723)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(12.885.907.661)	(57.274.509.455)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		116.052.926.250	150.172.900.979

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Đức Dũng



Lê Đức Dũng



Trần Mạnh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoà Bình, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	581.250.000	18.048.008.800
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		581.250.000	18.048.008.800
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	398.220.550	20.707.707.607
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		183.029.450	(2.659.698.807)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	18.694	6.932
7. Chi phí tài chính	22		-	1.891.003.206
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	1.891.003.206
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	5.722.865.793	8.371.707.176
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.539.817.649)	(12.922.402.257)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	375.837.580	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	7.721.927.592	-
13. Lợi nhuận khác	40		(7.346.090.012)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.885.907.661)	(12.922.402.257)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(12.885.907.661)</u>	<u>(12.922.402.257)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>(1.073,83)</u>	<u>(1.076,87)</u>

Lập ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

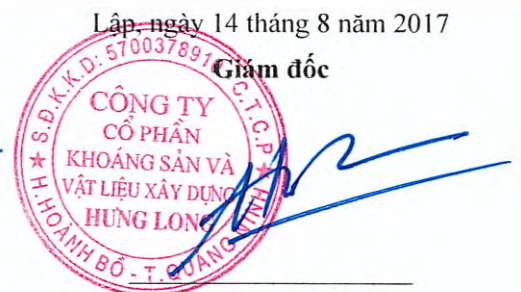
Giám đốc



Lê Đức Dũng



Lê Đức Dũng



Trần Mạnh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		13.902.000.000	7.916.549.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(24.527.076.480)	(1.049.184.974)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(734.641.551)	(604.366.033)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		993.409.000	3.395.768.127
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(422.610.693)	(56.275.555)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.788.919.724)	9.602.490.565
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(50.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	49.996.700.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.694	6.932
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.000.018.694	(6.003.293.068)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		5.944.770.450	1.258.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.150.000.000)	(10.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.794.770.450	1.248.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		5.869.420	4.847.197.497
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	62.408.042	150.419.827
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	68.277.462	4.997.617.324

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Đức Dũng



Lê Đức Dũng



Trần Mạnh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại và dịch vụ
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, bán buôn vật liệu xây dựng.
- 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:** 12 tháng

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm kế toán năm**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số TT200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số TT200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất năm khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
- Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- TSCĐ vô hình khác	20 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Quyền khai thác mỏ

Quyền khai thác mỏ được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 49 năm

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo năm hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đi vay và chi phí lãi vay

Phân ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền lãi vay phải trả phát sinh từ các khoản vay của đơn vị.

10. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh V và VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	54.800.047	50.781.102
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.477.415	11.626.940
Cộng	<u>68.277.462</u>	<u>62.408.042</u>

2. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.879.735.000</i>	<i>15.781.735.000</i>
Công ty cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu	-	13.902.000.000
Cty CP Đầu tư Thương mại Đông Bắc	1.113.200.000	1.113.200.000
Công ty cổ phần khai thác và chế biến khoáng sản Yên Bái	766.535.000	766.535.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>23.456.278.560</i>	<i>24.276.903.560</i>
Công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Hùng Vương	9.269.795.810	9.269.795.810
Ông Phạm Ngọc Phong	6.064.669.245	6.885.294.245
Bà Nguyễn Thị Hương	1.721.448.116	1.721.448.116
Bà Phạm Thị Tâm	1.224.021.730	1.224.021.730
Các khách hàng khác	5.176.343.659	5.176.343.659
Cộng	<u>25.336.013.560</u>	<u>40.058.638.560</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>8.531.081.305</i>	<i>8.680.791.972</i>
Công ty TNHH Thiên Phú Bình An	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Thiết bị và XL Công nghiệp	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Việt An	720.000.000	720.000.000
Các nhà cung cấp khác	3.811.081.305	3.960.791.972
Cộng	<u>8.531.081.305</u>	<u>8.680.791.972</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoà Bình, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	771.454.367	-	633.033.945	51.000.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Bắc – Phải thu tiền điện trả hộ	445.433.422	-	-	-
Tạm ứng của Thành viên HĐQT	326.020.945	-	633.033.945	51.000.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.252.507.800	699.435.088	2.994.187.705	980.308.134
Ký cược, ký quỹ	-	-	32.000.000	-
Công ty CP Phương Trung - Tiền lãi được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	603.300.000	300.990.000	603.300.000	180.000.000
Tạm ứng	220.203.400	50.542.380	1.053.612.400	526.806.200
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	429.004.400	347.902.708	1.305.275.305	273.501.934
Cộng	2.023.962.167	699.435.088	3.627.221.650	1.031.308.134

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(17.453.768.621)	-	(17.453.768.621)
Trích lập dự phòng bổ sung	(5.838.378.238)	-	(5.838.378.238)
Hoàn nhập dự phòng	541.704.500	-	541.704.500
Giảm do xử lý công nợ	355.157.213	-	355.157.213
Số cuối kỳ	(22.395.285.146)	-	(22.395.285.146)

Chi tiết các khoản dự phòng phải thu khó đòi được trình bày tại phụ lục 01.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	843.204.483	-	3.208.348.351	-
Công cụ, dụng cụ	749.023.104	-	1.078.919.402	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.958.005	-	309.520.914	-
Thành phẩm	5.764.665.399	-	6.821.196.124	-
Hàng hóa	8.812.786.820	-	9.812.786.820	-
Cộng	16.187.637.811	-	21.230.771.611	-

7. Phải thu dài hạn khác

Là khoản hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đông Bắc theo hợp đồng hợp tác sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét nung ký kết ngày 21 tháng 03 năm 2016. Hai Công ty thực hiện hợp tác đầu tư xây dựng mới hai dây chuyền sản xuất gạch tuynel công nghệ mới với dự toán tạm tính là 100 tỷ đồng, mỗi bên thực hiện góp vốn 50%. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 10 năm. Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ 50:50. Công ty đã đưa dây chuyền vào hoạt động sản xuất trong quý 01 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	9.290.936.033	18.750.498.387	401.275.479	36.400.000	28.479.109.899
Phân loại lại TSCĐ	-	135.181.252	(135.181.252)	-	-
Giảm do TSCĐ không còn hiện hữu		(2.891.980.952)	(266.094.227)	-	(3.158.075.179)
Số cuối kỳ	9.290.936.033	15.993.698.687	-	36.400.000	25.321.034.720
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.424.241.002	14.598.204.644	355.159.225	36.400.000	20.414.004.871
Khấu hao trong kỳ	217.723.609	558.065.049	15.700.472	-	791.489.130
Tăng giảm do phân loại lại TSCĐ	-	104.765.470	(104.765.470)	-	-
Giảm do TSCĐ không còn hiện hữu	-	(2.426.011.825)	(266.094.227)	-	(2.692.106.052)
Số cuối kỳ	5.641.964.611	12.835.023.338	-	36.400.000	18.513.387.949
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.866.695.031	4.152.293.743	46.116.254	-	8.065.105.028
Số cuối kỳ	3.648.971.422	3.158.675.349	-	-	6.807.646.771

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoàn Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền khai thác mỏ</u>	<u>Phẩm mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.344.945.021	297.758.810	1.642.703.831
Số cuối kỳ	1.344.945.021	297.758.810	1.642.703.831
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	684.677.325	166.735.683	851.413.008
Tăng do khấu hao trong kỳ	33.623.627	7.443.970	41.067.597
Số cuối kỳ	718.300.952	174.179.653	892.480.605
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	660.267.696	131.023.127	791.290.823
Số cuối kỳ	626.644.069	123.579.157	750.223.226

10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị quyền khai thác mỏ đất sét	27.766.361.153	28.078.887.485
Công cụ dụng cụ	-	6.000.016
Cộng	27.766.361.153	28.084.887.501

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	4.536.833.542	4.536.833.542
Công ty cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Mầu	368.560.602	368.560.602
Công ty cổ phần khai thác và chế biến khoáng sản Yên Bái	4.168.272.940	4.168.272.940
Phải trả các nhà cung cấp khác	16.945.830.597	40.081.796.158
Công ty TNHH TV-TK-XD-TM Phú Hoà	-	23.266.239.700
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp Việt Nam	3.803.305.000	3.803.305.000
Các nhà cung cấp khác	13.142.525.597	13.012.251.458
Cộng	21.482.664.139	44.618.629.700

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các khách hàng khác	3.519.270.242	4.979.270.242
Ông Phạm Ngọc Phong	-	1.460.000.000
Công ty CP bê tông xây dựng A và P	965.813.757	965.813.757
Tổng Công ty đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội	927.163.160	927.163.160
Các khách hàng khác	1.626.293.325	1.626.293.325
Cộng	3.519.270.242	4.979.270.242

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.375.621.014	-	-	2.375.621.014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.860.981.476	-	-	6.860.981.476
Thuế tài nguyên	113.428.280	-	(93.030.298)	20.397.982
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	267.439.420	-	-	267.439.420
Thuế bảo vệ môi trường	132.542.760	-	-	132.542.760
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.872.920.869	3.000.000	(3.000.000)	3.872.920.869
Cộng	13.622.933.819	3.000.000	(96.030.298)	13.529.903.521

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả từ các năm trước

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	2.438.862.925	2.740.592.852
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	3.275.930
Kinh phí công đoàn	151.272.511	140.406.660
Bảo hiểm xã hội	1.065.056.916	1.013.816.316
Bảo hiểm y tế	314.295.083	305.429.633
Bảo hiểm thất nghiệp	145.267.345	141.336.145
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	762.971.070	1.136.328.168
Cộng	2.438.862.925	2.740.592.852

16. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	997.757.450	-
Ông Phạm Xuân Ái	3.000.000	-
Ông Lê Đức Dũng	994.757.450	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	23.582.007.627	20.784.380.919
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Quảng Ninh (1)	18.705.827.488	18.705.827.488
Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Quảng Ninh (2)	1.359.400.434	1.359.400.434
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Hoành Bồ	215.830.453	215.830.453
Ông Mai Anh Tám	503.322.544	503.322.544
Bà Phạm Thị Hinh	2.797.626.708	-
Cộng	24.579.765.077	20.784.380.919

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoà Bình, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(1) Bao gồm các hợp đồng vay

- Hợp đồng vay số 0210QN119/HĐTD ngày 18/10/2002 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Quảng Ninh;
- Hợp đồng vay số 0709QN406/HĐTD ngày 05/10/2007 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Quảng Ninh; thời hạn vay 96 tháng; tổng hạn mức vay : 15.000.000.000 VND;
- Hợp đồng vay số 1008QN255.1/HĐTD của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội – Chi nhánh Quảng Ninh; thời hạn vay 36 tháng; Tổng hạn mức vay 648.000.000 VND.

(2) Bao gồm các hợp đồng vay

- Hợp đồng vay số 05801J002/12 ngày 22/07/2009 của Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Quảng Ninh, thời hạn vay 36 tháng, tổng hạn mức vay 112.000.000 VND;
- Hợp đồng vay số 05801J003/12 ngày 08/10/2009 của Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Quảng Ninh, thời hạn vay 60 tháng, tổng hạn mức vay 1.937.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Bù trừ công nợ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	20.281.058.375	-	-	-	20.281.058.375
Vay ngắn hạn các cá nhân	503.322.544	5.944.770.450	(1.150.000.000)	(999.386.292)	4.298.706.702
Cộng	20.784.380.919	5.944.770.450	(1.150.000.000)	(999.386.292)	24.579.765.077

17. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	120.000.000.000	1.161.320.961	(3.930.560.723)	117.230.760.238
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(57.274.509.455)	(57.274.509.455)
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	1.161.320.961	(61.205.070.178)	59.956.250.783
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	1.161.320.961	(61.205.070.178)	59.956.250.783
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	(12.885.907.661)	(12.885.907.661)
Số dư cuối kỳ này	120.000.000.000	1.161.320.961	(74.090.977.839)	47.070.343.122

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	-	18.048.008.800
Doanh thu bán thành phẩm	581.250.000	-
Cộng	581.250.000	18.048.008.800

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	20.707.707.607
Giá vốn của thành phẩm đã bán	398.220.550	-
Cộng	398.220.550	20.707.707.607

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi không kỳ hạn

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên		239.101.877
Chi phí đồ dùng văn phòng		2.948.693
Chi phí khấu hao tài sản cố định		17.580.609
Thuế, phí và lệ phí		50.207.934
Dự phòng phải thu khó đòi		5.296.673.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài		12.623.200
Các chi phí khác		103.729.742
Cộng		5.722.865.793

5. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ	375.837.580	-
Cộng	375.837.580	-

6. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khấu hao các tài sản cố định không phục vụ SXKD	477.917.336	-
Giá trị còn lại của TSCĐ không còn hiện hữu (*)	465.969.127	-
Các khoản nợ phải thu không xác định được chủ (*)	216.982.698	-
Xử lý chênh lệch hàng tồn kho (*)	6.561.058.431	-
Cộng	7.721.927.592	-

(*) Là các khoản chi phí khác được ghi nhận theo biên bản họp HĐQT số 02/2017/BB-HĐQT/KHL ngày 05 tháng 7 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(12.885.907.661)	(12.922.402.257)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	7.721.927.592	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.721.927.592	-
<i>Khấu hao các tài sản cố định không phục vụ SXKD</i>	477.917.336	-
<i>Giá trị còn lại của TSCĐ không còn hiện hữu</i>	465.969.127	-
<i>Các khoản nợ phải thu không xác định được chủ</i>	216.982.698	-
<i>Xử lý chênh lệch hàng tồn kho</i>	6.561.058.431	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(5.163.980.069)	(12.922.402.257)
Thu nhập tính thuế	(5.163.980.069)	(12.922.402.257)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.885.907.661)	(12.922.402.257)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(12.885.907.661)	(12.922.402.257)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.073,83)	(1.076,87)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	192.609.959	
Chi phí nhân công	1.101.480.928	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	354.639.391	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	384.215.861	
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	5.296.673.738	
Chi phí khác	468.137.363	
Cộng	7.797.757.240	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	
Bù trừ gốc vay phải trả - công nợ phải thu		999.386.292
Cộng		999.386.292

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tạm ứng	100.000.000	-
Hoàn ứng	100.000.000	327.974.474
Vay ngắn hạn	1.304.770.450	-
Bù trừ vay ngắn hạn - tạm ứng	307.013.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan được trình bày tại thuyết minh V.4 và V.16

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Mầu	Giám đốc hiện là kế toán trưởng của Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đông Bắc	Chủ tịch HĐQT đồng thời là thành viên HĐQT Công ty

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Mầu		
Thu tiền hàng	13.902.000.000	-
Doanh thu bán hàng hóa	-	15.820.000.000
Thuế GTGT từ hoạt động bán hàng hóa	-	1.582.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đông Bắc		
Phải thu tiền điện thanh toán hộ	445.433.422	-
Góp tiền hợp tác kinh doanh	-	50.000.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác trình bày tại thuyết minh V.2, V.4 và V.11

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoàn Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.277.462	62.408.042	68.277.462	62.408.042
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	15.000.000	-	15.000.000
Phải thu khách hàng	9.682.482.259	28.839.269.677	9.682.482.259	28.839.269.677
Các khoản cho vay	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Các khoản phải thu khác	51.324.527.079	52.596.413.516	51.324.527.079	52.596.413.516
Cộng	61.075.286.800	87.513.091.235	61.075.286.800	87.513.091.235
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	24.579.765.077	20.784.380.919	24.579.765.077	20.784.380.919
Phải trả người bán	21.482.664.139	44.618.629.700	21.482.664.139	44.618.629.700
Các khoản phải trả khác	5.778.306.680	6.118.762.047	5.778.306.680	6.118.762.047
Cộng	51.840.735.896	71.521.772.666	51.840.735.896	71.521.772.666

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Vay và nợ	24.579.765.077	-	24.579.765.077
Phải trả người bán	21.482.664.139	-	21.482.664.139
Các khoản phải trả khác	5.778.306.680	-	5.778.306.680
Cộng	51.840.735.896	-	51.840.735.896
Số đầu năm			
Vay và nợ	20.784.380.919	-	20.784.380.919
Phải trả người bán	44.618.629.700	-	44.618.629.700
Các khoản phải trả khác	5.983.537.097	135.224.950	6.118.762.047
Cộng	71.386.547.716	135.224.950	71.521.772.666

5. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

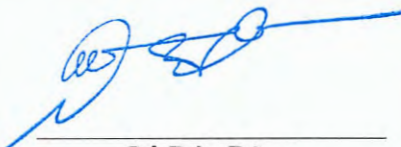
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long –T.D.K

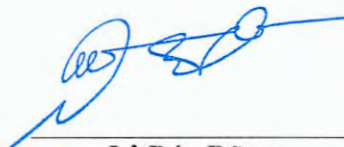
Lập ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu



Lê Đức Dũng

Kế toán trưởng



Lê Đức Dũng

Giám đốc



Trần Mạnh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoàn Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng		18.138.179.315	15.653.531.301		18.138.179.315	11.219.368.883
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dương Minh Thịnh	Quá hạn dưới 3 năm	34.804.000	24.362.800	Quá hạn dưới 2 năm	34.804.000	17.402.000
Công ty TNHH TM và Đầu tư Đỗ Phan	Quá hạn dưới 3 năm	589.168.910	412.418.237	Quá hạn dưới 2 năm	589.168.910	294.584.455
Doanh nghiệp tư nhân Dũng Mạnh	Quá hạn dưới 3 năm	19.635.000	13.744.500	Quá hạn dưới 2 năm	19.635.000	9.817.500
Công ty CP Gạch ngói tuynel Bát tràng Gia lai	Quá hạn dưới 3 năm	176.000.000	123.200.000	Quá hạn dưới 2 năm	176.000.000	88.000.000
Phạm Thị Bích Hằng	Quá hạn dưới 3 năm	225.541.305	157.878.913	Quá hạn dưới 2 năm	225.541.305	112.770.652
Công ty TNHH Một thành viên ĐT & Xây dựng Hồng Dương	Quá hạn trên 3 năm	246.224.871	246.224.871	Quá hạn trên 3 năm	246.224.871	246.224.871
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Hồng Quảng	Quá hạn dưới 3 năm	20.460.000	14.322.000	Quá hạn dưới 2 năm	20.460.000	10.230.000
Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Hồ Xanh	Quá hạn dưới 3 năm	63.250.000	44.275.000	Quá hạn dưới 2 năm	63.250.000	31.625.000
Hà Thị Dịp	Quá hạn dưới 3 năm	671.632.360	470.142.652	Quá hạn dưới 2 năm	671.632.360	335.816.180
Công ty TNHH Xây dựng và Vận Tải Hoàng Trường	Quá hạn dưới 3 năm	9.002.400	6.301.680	Quá hạn dưới 2 năm	9.002.400	4.501.200
Nguyễn Thị Hương	Quá hạn dưới 3 năm	1.721.448.116	1.205.013.681	Quá hạn dưới 2 năm	1.721.448.116	860.724.058
Công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Hùng Vương	Quá hạn trên 3 năm	9.269.795.810	9.269.795.810	Quá hạn dưới 3 năm	9.269.795.810	6.488.857.067
DNTN Thương mại tổng hợp Kim Thành	Quá hạn dưới 3 năm	66.440.000	46.508.000	Quá hạn dưới 2 năm	66.440.000	33.220.000
Công ty cổ phần khai thác và chế biến khoáng sản Yên Bái	Quá hạn dưới 3 năm	766.535.000	536.574.500	Quá hạn dưới 2 năm	766.535.000	383.267.500
Công ty TNHH Long Hoàng Phát	Quá hạn dưới 3 năm	46.310.550	32.417.385	Quá hạn dưới 2 năm	46.310.550	23.155.275
Công ty TNHH MTV Thương mại và DV Minh Nhật	Quá hạn dưới 3 năm	50.030.750	35.021.525	Quá hạn dưới 2 năm	50.030.750	25.015.375
Công ty TNHH thương mại tổng hợp Ngọc Vui	Quá hạn dưới 3 năm	50.030.750	35.021.525	Quá hạn dưới 2 năm	50.030.750	25.015.375
Công ty TNHH MTV Dịch vụ vận tải Phương Thanh	Quá hạn dưới 3 năm	19.596.500	13.717.550	Quá hạn dưới 2 năm	19.596.500	9.798.250
Công ty TNHH thương mại Quảng Long	Quá hạn dưới 3 năm	88.699.361	62.089.553	Quá hạn dưới 2 năm	88.699.361	44.349.681
Hoàng Thị Quyên	Quá hạn dưới 3 năm	937.043.200	655.930.240	Quá hạn dưới 2 năm	937.043.200	468.521.600
Công ty TNHH Tân á	Quá hạn dưới 3 năm	113.575.000	79.502.500	Quá hạn dưới 2 năm	113.575.000	56.787.500
Công ty cổ phần phát triển công nghệ Thái Bình Dương	Quá hạn dưới 3 năm	722.346.845	505.642.791	Quá hạn dưới 2 năm	722.346.845	361.173.422
Công ty TNHH Thái Bình Thanh	Quá hạn dưới 3 năm	60.060.000	42.042.000	Quá hạn dưới 2 năm	60.060.000	30.030.000
Công ty CP TM và XD Thành Nga	Quá hạn dưới 3 năm	28.793.600	20.155.520	Quá hạn dưới 2 năm	28.793.600	14.396.800
Công ty cổ phần XD phát triển và thương mại Thành Sơn	Quá hạn dưới 3 năm	99.000.000	69.300.000	Quá hạn dưới 2 năm	99.000.000	49.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Xây dựng Thành Thịnh	Quá hạn trên 3 năm	365.665.257	365.665.257	Quá hạn trên 3 năm	365.665.257	365.665.257
Công ty TNHH 1 TV thương mại dịch vụ Thủy Vân	Quá hạn dưới 3 năm	131.978.000	92.384.600	Quá hạn dưới 2 năm	131.978.000	65.989.000
Công ty TNHH MTV Thái Sơn Lâm	Quá hạn dưới 3 năm	75.845.000	53.091.500	Quá hạn dưới 2 năm	75.845.000	37.922.500
Phạm Thị Tâm	Quá hạn dưới 3 năm	1.224.021.730	856.815.211	Quá hạn dưới 2 năm	1.224.021.730	612.010.865
Công ty TNHH Một thành viên Tuấn Ngọc BG	Quá hạn dưới 3 năm	23.100.000	16.170.000	Quá hạn dưới 2 năm	23.100.000	11.550.000
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ vận tải HB	Quá hạn dưới 3 năm	202.895.000	142.026.500	Quá hạn dưới 2 năm	202.895.000	101.447.500
Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng Phúc Xuân	Quá hạn dưới 1 năm	19.250.000	5.775.000		19.250.000	-
Trả trước cho người bán		7.825.677.806	6.042.318.757		8.235.990.912	5.203.091.604
Cty TNHH DV tư vấn TCKT và kiểm toán AASC		-	-	Quá hạn dưới 2 năm	20.000.000	10.000.000
CTy TNHH An Thịnh	Quá hạn dưới 3 năm	77.731.460	54.412.022	Quá hạn dưới 2 năm	77.731.460	38.865.730
Công ty xăng dầu B12		-	-	Quá hạn trên 3 năm	520	520
Bàn Tài Vi - Gỗ Đổng kê	Quá hạn dưới 3 năm	34.500.000	24.150.000	Quá hạn dưới 2 năm	34.500.000	17.250.000
Công ty TNHH Thiên Phú Bình An	Quá hạn trên 3 năm	1.000.000.000	1.000.000.000	Quá hạn dưới 3 năm	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Việt An	Quá hạn dưới 3 năm	720.000.000	504.000.000	Quá hạn dưới 2 năm	720.000.000	360.000.000
Cty CP Hăng sơn Đông á	Quá hạn dưới 3 năm	460.204.400	322.143.080	Quá hạn dưới 2 năm	460.204.400	230.102.200
Cty TNHH đầu tư và Phát triển DN DTH Việt Nam	Quá hạn dưới 3 năm	15.000.000	10.500.000	Quá hạn dưới 2 năm	15.000.000	7.500.000
Đặng Tuyết Mai	Quá hạn dưới 3 năm	415.000.000	290.500.000	Quá hạn dưới 2 năm	415.000.000	207.500.000
Cty CP may và xây lắp Đức Anh	Quá hạn trên 3 năm	250.000.000	250.000.000	Quá hạn trên 3 năm	250.000.000	250.000.000
Đình Văn Quyết	Quá hạn dưới 3 năm	3.000.000	2.100.000	Quá hạn dưới 2 năm	3.000.000	1.500.000
Đỗ Văn Thành	Quá hạn dưới 3 năm	210.000.000	147.000.000	Quá hạn dưới 2 năm	210.000.000	105.000.000
Công ty CP phần mềm quản lý doanh nghiệp	Quá hạn dưới 3 năm	2.000.000	1.400.000	Quá hạn dưới 2 năm	2.000.000	1.000.000
Ngân hàng Nhà Hà Nội		-	-	Quá hạn dưới 2 năm	5.000.000	2.500.000
Hà Ngọc Hùng	Quá hạn dưới 3 năm	15.000.000	10.500.000	Quá hạn dưới 2 năm	15.000.000	7.500.000
Cty tư vấn Hoàng Anh	Quá hạn dưới 3 năm	20.000.000	14.000.000	Quá hạn dưới 2 năm	20.000.000	10.000.000
Công ty TNHH Hợp Phát	Quá hạn trên 3 năm	186.857.596	186.857.596	Quá hạn trên 3 năm	186.857.596	186.857.596
Công ty TNHH Hợp Phát	Quá hạn dưới 1 năm	117.130.000	35.139.000		117.130.000	-
Công ty TNHH phần mềm HT2D	Quá hạn dưới 3 năm	10.000.000	7.000.000	Quá hạn dưới 2 năm	10.000.000	5.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoàn Bô, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Hoàng Việt Cường	Quá hạn trên 3 năm	5.000.000	3.500.000	Quá hạn dưới 2 năm	5.000.000	2.500.000
Công ty CP Khoáng sản và VLXD Hưng Long		-	-	Quá hạn dưới 2 năm	20.000.000	10.000.000
Kiểm tra		-	-	Quá hạn dưới 2 năm	3.780.000	1.890.000
Lương hồng Lan	Quá hạn dưới 3 năm	566.000	396.200	Quá hạn dưới 2 năm	566.000	283.000
Liziming	Quá hạn dưới 3 năm	57.064.800	39.945.360	Quá hạn dưới 2 năm	57.064.800	28.532.400
Công ty vận tải Liên Thành	Quá hạn dưới 3 năm	35.600.000	24.920.000	Quá hạn dưới 2 năm	35.600.000	17.800.000
Mai anh đức	Quá hạn dưới 3 năm	7.000.000	4.900.000	Quá hạn dưới 2 năm	7.000.000	3.500.000
Công ty TNHH Tổng hợp Minh Hiền	Quá hạn trên 3 năm	182.633.698	182.633.698	Quá hạn trên 3 năm	182.633.698	182.633.698
Hợp tác xã Minh sơn	Quá hạn dưới 3 năm	42.000.000	29.400.000	Quá hạn dưới 2 năm	42.000.000	21.000.000
Mai Thành Luân	Quá hạn dưới 3 năm	5.100.000	3.570.000	Quá hạn dưới 2 năm	5.100.000	2.550.000
Mai văn sinh	Quá hạn dưới 3 năm	5.000.000	3.500.000	Quá hạn dưới 2 năm	5.000.000	2.500.000
Nguyễn Anh Linh	Quá hạn dưới 3 năm	1.800.000	1.260.000	Quá hạn dưới 2 năm	1.800.000	900.000
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển nhà hà nội số 36	Quá hạn dưới 3 năm	30.000.000	21.000.000	Quá hạn dưới 2 năm	30.000.000	15.000.000
Nguyễn Ngọc Hưng	Quá hạn dưới 3 năm	36.502.000	25.551.400	Quá hạn dưới 2 năm	36.502.000	18.251.000
Nguyễn Phúc Cường	Quá hạn dưới 3 năm	3.000.000	2.100.000	Quá hạn dưới 2 năm	3.000.000	1.500.000
Nguyễn Thanh Độ	Quá hạn dưới 3 năm	1.120.570	784.399	Quá hạn dưới 2 năm	1.120.570	560.285
Nguyễn Văn Chiểu	Quá hạn dưới 3 năm	804.997	563.498	Quá hạn dưới 2 năm	804.997	402.499
Nguyễn Văn Hùng	Quá hạn dưới 3 năm	6.600.000	4.620.000	Quá hạn dưới 2 năm	6.600.000	3.300.000
Nguyễn Văn Kim	Quá hạn dưới 3 năm	26.000.000	18.200.000	Quá hạn dưới 2 năm	26.000.000	13.000.000
Nguyễn Văn Kỳ	Quá hạn dưới 3 năm	25.020.000	17.514.000	Quá hạn dưới 2 năm	25.020.000	12.510.000
Nguyễn Văn Mạnh	Quá hạn dưới 3 năm	3.000.000	2.100.000	Quá hạn dưới 2 năm	3.000.000	1.500.000
Nguyễn Văn Nhuận		-	-	Quá hạn dưới 2 năm	95.000	47.500
Nguyễn Văn Thao	Quá hạn dưới 3 năm	44.282.400	30.997.680	Quá hạn dưới 2 năm	44.282.400	22.141.200
Công ty TNHH TM & Xây dựng Phương linh	Quá hạn dưới 3 năm	20.000.000	14.000.000	Quá hạn dưới 2 năm	20.000.000	10.000.000
Phạm Ngọc Vĩnh	Quá hạn dưới 3 năm	4.160.000	2.912.000	Quá hạn dưới 2 năm	4.160.000	2.080.000
Phan văn Cảnh	Quá hạn dưới 3 năm	36.000.000	25.200.000	Quá hạn dưới 2 năm	36.000.000	18.000.000
Sở Tài Nguyên và Môi trường		-	-	Quá hạn dưới 2 năm	56.436.786	28.218.393
Công ty CP Thiết bị và XL Công nghiệp	Quá hạn dưới 3 năm	3.000.000.000	2.100.000.000	Quá hạn dưới 2 năm	3.000.000.000	1.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên I, xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Trung Gian		-	-	Quá hạn trên 3 năm	250.000.000	250.000.000
Cty KD than QN	Quá hạn dưới 3 năm	4.191.058	2.933.741	Quá hạn dưới 2 năm	4.191.058	2.095.529
Công ty TNHH Thịnh Phát	Quá hạn trên 3 năm	417.829.680	417.829.680	Quá hạn dưới 3 năm	417.829.680	417.829.680
Cty CP tư vấn đầu tư xây dựng TPG	Quá hạn dưới 3 năm	30.000.000	21.000.000	Quá hạn dưới 2 năm	30.000.000	15.000.000
Phạm Văn Trường	Quá hạn dưới 3 năm	35.000.000	24.500.000	Quá hạn dưới 2 năm	35.000.000	17.500.000
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam		-	-	Quá hạn dưới 2 năm	15.000.000	7.500.000
DNTC Tú Dương	Quá hạn dưới 3 năm	3.498.000	2.448.600	Quá hạn dưới 2 năm	3.498.000	1.749.000
Trương Văn Cường	Quá hạn dưới 3 năm	4.791.500	3.354.050	Quá hạn dưới 2 năm	4.791.500	2.395.750
Trần văn Hải		-	-	Quá hạn trên 3 năm	800	800
Vũ Duy Hùng	Quá hạn dưới 3 năm	30.000.000	21.000.000	Quá hạn dưới 2 năm	30.000.000	15.000.000
Vũ Hải Trung	Quá hạn dưới 3 năm	93.000.000	65.100.000	Quá hạn dưới 2 năm	93.000.000	46.500.000
Công ty CP Cơ khí kết cấu thép và Xây dựng Vinashin	Quá hạn dưới 3 năm	92.689.647	64.882.753	Quá hạn dưới 2 năm	92.689.647	46.344.824
Công ty CP Chứng khoán VSM		-	-	Quá hạn dưới 2 năm	40.000.000	20.000.000
Phải thu khác		631.300.000	320.590.000		631.300.000	194.000.000
Bùi Thị Thu	Quá hạn dưới 3 năm	8.000.000	5.600.000	Quá hạn dưới 2 năm	8.000.000	4.000.000
Chú Năng	Quá hạn dưới 3 năm	20.000.000	14.000.000	Quá hạn dưới 2 năm	20.000.000	10.000.000
Công ty CP Phương Trung	Quá hạn dưới 2 năm	600.000.000	300.000.000	Quá hạn dưới 1 năm	600.000.000	180.000.000
Công ty CP Phương Trung	Quá hạn dưới 1 năm	3.300.000	990.000		3.300.000	-
Dư nợ Phải trả khác		469.003.868	328.302.708		519.003.868	259.501.934
Ngân hàng Vietinbank - TK 185		-	-	Quá hạn dưới 2 năm	50.000.000	25.000.000
Đặng Minh Tuấn	Quá hạn dưới 3 năm	95.004.400	66.503.080	Quá hạn dưới 2 năm	95.004.400	47.502.200
Công ty CP Gạch ngói tuynel Bát tràng Gia lai	Quá hạn dưới 3 năm	156.000.000	109.200.000	Quá hạn dưới 2 năm	156.000.000	78.000.000
Hoàng Đình Thành	Quá hạn dưới 3 năm	50.000.000	35.000.000	Quá hạn dưới 2 năm	50.000.000	25.000.000
Nguyễn Thị Hương	Quá hạn dưới 3 năm	67.999.468	47.599.628	Quá hạn dưới 2 năm	67.999.468	33.999.734
Phùng Thị Kim Anh	Quá hạn dưới 3 năm	100.000.000	70.000.000	Quá hạn dưới 2 năm	100.000.000	50.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG HƯNG LONG

Địa chỉ: Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, huyện Hoàn Bồ, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng		162.203.400	50.542.380		1.155.612.400	577.806.200
Ông Lê Hữu Lộc		-	-		753.409.000	376.704.500
Ông Tạ Quang Mạnh		-	-		100.000.000	50.000.000
Bà Thái Thị Thu Hiền		-	-		140.000.000	70.000.000
Ông Trần Mạnh Thắng	Quá hạn dưới 3 năm	16.200.000	11.340.000		16.200.000	8.100.000
Các đối tượng khác		146.003.400	39.202.380		146.003.400	73.001.700
Cộng		27.226.364.389	22.395.285.146		28.680.086.495	17.453.768.621